

Số: 146 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 9 năm 2021

**BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm 2021**  
**Kỳ báo cáo: 8 tháng năm 2021**

Kính gửi:

- Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho bạc nhà nước.

Thực hiện Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 của Bộ Tài chính Quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công 8 tháng năm 2021 như sau:

**1. Thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm**

a) Tổng kế hoạch được giao trong năm kế hoạch là 6.140.621 triệu đồng; trong đó: Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời gian thanh toán theo quy định là 667.304 triệu đồng, vốn kế hoạch năm 2021 là 5.473.317 triệu đồng. Chênh lệch tăng so với kế hoạch vốn Trung ương giao là 1.650.000 triệu đồng, do địa phương giao tăng từ nguồn thu tiền sử dụng đất.

b) Lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng 8/2021 là 2.166.342 triệu đồng, đạt 51,6% so với kế hoạch vốn Trung ương giao địa phương đã phân khai, trong đó:

- Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời gian thanh toán theo quy định là 248.465 triệu đồng, đạt 37,2%;

- Thanh toán vốn kế hoạch năm 2021 là 1.973.328 triệu đồng, đạt 51,9%;

c) Ước lỹ kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng 9/2021 là 3.052.056 triệu đồng, đạt 68,4% so với kế hoạch vốn Trung ương giao, trong đó:

- Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời gian thanh toán theo quy định là 335.214 triệu đồng, đạt 50,2%;

- Thanh toán vốn kế hoạch năm 2021 là 2.716.842 triệu đồng, đạt 71,5 %.

**2. Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước và kết quả thực hiện vốn ứng trước chưa thu hồi:** Trong tháng chưa có phát sinh.

(Chi tiết Biểu số 01a/TTKHN kèm theo).

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, các p Ng/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, Thha369.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh





BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH NĂM 2021 - THÁNG 8

(Kèm theo Báo cáo số 146 /BC-UBND ngày 20 /9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: triệu đồng



STT	Nội dung	Vốn kế hoạch						Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 8/2021						Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 9/2021		
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài		Thanh toán vốn kế hoạch năm		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch bộ, cơ quan trung ương địa phương triển khai		Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Tổng số		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài
1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	
	Tổng số	6.140.621	667.304	3.796.776	5.473.317	2.221.793	248.465	201.679	46.785	1.973.328	1.507.448	465.880	3.107.507	335.214	2.772.293	
A	DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ															
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	6.140.621	667.304	3.796.776	5.473.317	2.221.793	248.465	201.679	46.785	1.973.328	1.507.448	465.880	3.107.507	335.214	2.772.293	
	Vốn trong nước	5.855.510	538.519	3.640.450	5.316.991	2.082.296	174.450	132.906	41.544	1.907.845	1.465.312	442.533	2.930.945	244.458	2.686.488	
	Vốn nước ngoài, trong đó:	285.111	128.785	156.326	156.326	139.497	74.014	68.773	5.241	65.483	42.136	23.347	176.562	90.756	85.805	
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	224.403	68.077	156.326	156.326	132.824	67.341	62.985	4.356	65.483	42.136	23.347	161.996	76.191	85.805	
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	60.707	60.707	-	-	6.674	6.674	5.789	885.01	-	-	-	14.566	14.566	-	
B.1	Vốn NSNN	6.140.621	667.304	3.796.776	5.473.317	2.221.793	248.465	201.679	46.785	1.973.328	1.507.448	465.880	3.107.507	335.214	2.772.293	
	Vốn trong nước	5.855.510	538.519	3.640.450	5.316.991	2.082.296	174.450	132.906	41.544	1.907.845	1.465.312	442.533	2.930.945	244.458	2.686.488	
	Vốn nước ngoài, trong đó:	285.111	128.785	156.326	156.326	139.497	74.014	68.773	5.241	65.483	42.136	23.347	176.562	90.756	85.805	
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	224.403	68.077	156.326	156.326	132.824	67.341	62.985	4.356	65.483	42.136	23.347	161.996	76.191	85.805	
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	60.707	60.707	-	-	6.674	6.674	5.789	885	-	-	-	14.566	14.566	-	
I	Vốn đầu tư ngành sách địa phương	4.376.189	111.018	2.588.630	4.265.171	1.377.395	59.222	55.531	3.691	1.318.172	1.077.113	241.059	2.033.733	73.655	1.960.078	
	Kế hoạch vốn giao đầu năm	4.338.122	99.491	2.588.630	4.238.631	1.355.010	48.329	44.638	3.691	1.306.680	1.073.976	232.704	2.006.399	61.263	1.945.136	
	Kế hoạch vốn bổ sung trong năm	38.067	11.527	-	26.540	22.385	10.893	10.893	-	11.492	3.157	8.355	27.334	12.392	14.942	
II	Vốn ngân sách trung ương	1.764.431	556.285	1.208.146	1.208.146	844.398	189.242	146.148	43.094	655.156	430.335	224.821	1.073.774	261.559	812.215	
	Vốn trong nước	1.479.321	427.501	1.051.820	1.051.820	704.901	115.228	77.375	37.853	589.673	388.199	201.474	897.213	170.803	726.410	
	Vốn nước ngoài, trong đó:	285.111	128.785	156.326	156.326	139.497	74.014	68.773	5.241	65.483	42.136	23.347	176.562	90.756	85.805	
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	224.403	68.077	156.326	156.326	132.824	67.341	62.985	4.356	65.483	42.136	23.347	161.996	76.191	85.805	



